

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HS-PT
Ngày 20 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Thanh Gia

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải

Bà Đỗ Thị Thắm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 194/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Trần H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2023/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- **Bị cáo bị kháng cáo:**

Nguyễn Trần H, sinh ngày 16/7/1989 tại thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi thường trú: Số A đường Đ, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: Số B đường Q, khối E, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1957 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1958; vợ: Trương Nữ Nhật A, sinh năm: 1993; con: Có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:**

Bị hại: Anh Nguyễn Thành L; địa chỉ: K, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10 đến ngày 15/12/2022, do điện thoại bị hư nên Nguyễn Trần H gửi sửa chữa tại Cửa hàng điện thoại di động Thành Lin ở số H Q, khối D, thị trấn P, huyện T của anh Nguyễn Thành L và anh L nhận sửa điện thoại với giá 550.000 đồng. Khoảng 01-02 ngày sau khi lấy điện thoại về sử dụng được 01 ngày thì điện thoại tiếp tục hư nên H tiếp tục mang đến cửa hàng anh L sửa. Anh L nhận sửa và hẹn khoảng 05-06 ngày quay lại lấy. Khoảng 07 ngày sau, H đến lấy điện thoại thì anh L báo điện thoại bị cháy hết mạch cần thêm thời gian sửa nên H yêu cầu trả lại hiện trạng ban đầu của điện thoại, anh L đồng ý và hẹn 01-02 ngày sau đến lấy. Chiều ngày 23/12/2022, H đến lấy điện thoại thì phát hiện điện thoại mình bị hư nút “home” nên tiếp tục để sửa tại cửa hàng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho anh Nguyễn Thành T1 nhờ chở tới cửa hàng của L để lấy điện thoại. Khi đến nơi, anh T1 đứng ngoài chờ, H đi vào trong cửa tiệm, đến tại cửa buồng kỹ thuật, cách vị trí anh L đang ngồi sửa điện thoại khoảng 01m, hỏi lấy điện thoại. Do anh L tiếp tục hẹn nên hai bên xảy ra cãi nhau. H nhìn thấy có 01 cây búa đang dựng đứng bên trong cuộn băng keo trên bàn sửa chữa điện thoại của anh L nên H đã dùng tay trái cầm cán búa lên đưa sang tay phải sau đó nắm tóc của anh L kéo ra phía sau, tay phải cầm búa đưa lên cao đánh từ trên xuống, hướng từ phải qua trái trúng vào phần trán bên trái của anh L 01 cái. H ném cây búa lên bàn sửa chữa điện thoại, dùng tay và chân đánh nhiều cái vào cơ thể của anh L. Thấy vậy, anh T1 và vợ anh L là chị Nguyễn Thị Mộng T2 vào can ngăn, kéo H ra ngoài cửa tiệm. Khi ra bên ngoài, nghe anh L nói vợ mình gọi người nhà đến nên H tiếp tục chạy vào dùng chân phải đạp vào vùng mặt bên phải của anh L 01 cái, sau đó anh T1 kéo H ra ngoài cửa tiệm chở về nhà.

Hậu quả, anh L bị thương tích ở vùng trán bên trái, chảy nhiều máu và bị xây xát ngoài da được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T trong đêm 23/12/2022, sáng ngày 24/12/2022 chuyển viện đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B tiếp tục điều trị đến ngày 26/12/2022 thì xuất viện. Ngày 27/12/2022, anh L tiếp tục nhập viện điều trị tại Trung tâm y tế huyện T đến ngày 03/01/2023 xuất viện.

Tại Bản kết luận số 21/2023/PY-TgT ngày 27/01/2023, Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh L là 06%. Không đồng ý với kết luận giám định thương tích trên, anh L có đơn yêu cầu giám định lại. Tại Bản kết luận số 86/2023/TgT ngày 12/6/2023, Trung tâm pháp y quốc gia tại Thành phố H kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh L là 03%.

Anh L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Bị cáo đã bồi thường cho anh L 25.000.000 đồng (Trong đó: Bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn theo Biên lai số 0002326 ngày 28/8/2023 và nộp 15.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn). Ngày 05/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã nộp 15.000.000 đồng (là số tiền mà bị cáo H đã nộp cho Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn theo Biên lai số 0002705.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 27/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trần H 06 tháng tù

nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn buộc bị cáo phải bồi thường cho anh L số tiền 25.000.000 đồng, quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/10/2023, anh L kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo theo hướng không có bị cáo được hưởng án treo và tăng mức bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo bồi thường cho anh số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Do có mâu thuẫn trong việc sửa chữa điện thoại nên tối ngày 23/12/2022, Nguyễn Trần H và anh Nguyễn Thành L đã xảy ra cãi nhau tại Cửa hàng Đ ở số H Q, khối D, thị trấn P, huyện T. Trong khi hai bên đang tranh chấp, H đã có hành vi dùng búa đánh từ trên xuống, hướng từ phải qua trái trúng vào phần trán bên trái của anh L 01 cái; sau đó, H tiếp tục dùng tay và chân đánh nhiều cái vào cơ thể của anh L.

Hậu quả, anh L bị thương tích ở vùng trán bên trái, chảy nhiều máu và bị xây xát ngoài da được gia đình đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T trong đêm 23/12/2022, sáng ngày 24/12/2022 chuyển viện đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B tiếp tục điều trị đến ngày 26/12/2022 thì xuất viện. Ngày 27/12/2022, anh L tiếp tục nhập viện điều trị tại Trung tâm y tế huyện T đến ngày 03/01/2023 xuất viện.

Tại Bản kết luận số 21/2023/PY-TgT ngày 27/01/2023, Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh L là 06%. Không đồng ý với kết luận giám định thương tích trên, anh L có đơn yêu cầu giám định lại. Tại Bản kết luận số 86/2023/TgT ngày 12/6/2023, Trung tâm pháp y quốc gia tại Thành phố H kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của anh L là 03%.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2023/HS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn đã xét xử bị cáo H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thành L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H 06 tháng tù là phù hợp. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, có tác dụng phòng ngừa, răn đe và giáo dục đối với bị cáo.

Ngoài ra, việc bị hại cho rằng hành vi của bị cáo là côn đồ là không có căn cứ vì hành vi của bị cáo xuất phát do bức xúc trong việc sửa chữa điện thoại của anh L.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh L về phần hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[2.2] Căn cứ yêu cầu bồi thường của bị hại, các chứng từ, hoá đơn thanh toán do bị hại cung cấp, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định tổng số tiền bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh L là 20.845.123 đồng (bao gồm chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại; bồi thường tổn thất về tinh thần) là phù hợp với quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh L số tiền 25.000.000 đồng; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp, theo hướng có lợi cho anh L.

Anh L kháng cáo yêu cầu xem xét lại thu nhập thực tế bị mất của anh là 1.000.000 đồng/ngày và yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh với tổng số tiền 50.000.000 đồng để bù đắp các khoản viện phí, chi phí điều trị, tổn thất tinh thần nhưng anh L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Ngoài ra, theo xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tại Chi cục thuế khu vực T - V (Bút lục 203) thì thu nhập thực tế của anh L là 433.333 đồng/ngày.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo trên của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại.

[2.3] Bị cáo đã bồi thường cho anh L số tiền 25.000.000 đồng; trong đó, bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn theo

Biên lai số 0002326 ngày 28/8/2023 và nộp 15.000.000 đồng tại Toà án nhân dân huyện Tây Sơn. Ngày 05/12/2023, Toà án nhân dân huyện Tây Sơn đã nộp 15.000.000 đồng (là số tiền mà bị cáo H đã nộp cho Toà án nhân dân huyện Tây Sơn) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn theo Biên lai số 0002705.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng cần tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0002326 ngày 28/8/2023 và Biên lai thu tiền số 0002705 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn để đảm bảo thi hành án.

[3] Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (anh L là người yêu cầu bồi thường về sức khỏe).

Anh L đã tạm nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0008002 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn nên anh L được hoàn trả lại 100.000 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm đ khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Thành L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/9/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Trần H cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Nguyễn Trần H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Thành L số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) mà bị cáo Nguyễn Trần H đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0002326 ngày 28/8/2023 và Biên lai thu tiền số 0002705 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Thành L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008002 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định; hoàn trả lại cho anh L 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

7.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an huyện Tây Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Thanh Gia